

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ LÁCH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **171/2023/HNGĐ – ST**  
Ngày 24- 5- 2023  
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phê

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hôn

2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐST – HNGĐ ngày 08/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Châu Văn Bé T, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp HT, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Thạch Thị T2, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp HT, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Châu Văn Bé T trình bày:*

Vào năm 2011 anh và chị Thạch Thị T2 được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/4/2011. Trong thời gian sống chung ông, bà có 02 con chung tên Châu Văn K, sinh ngày 04/12/2012 và Châu Thị Mỹ D, sinh ngày

22/01/2015 hiện đang sống chung với anh; trong thời gian chung sống anh và chị T2 không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân ly hôn: là do trong thời gian chung sống anh, chị bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung; chị T2 không quan tâm chăm sóc cho vợ con, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành; anh chị không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy anh, chị có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh có yêu cầu như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Thạch Thị T2. Anh không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

+ *Về con chung*: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Châu Văn K, sinh ngày 04/12/2012, Châu Thị Mỹ D, sinh ngày 22/01/2015, Anh không yêu cầu chị Thạch Thị T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn chị Thạch Thị T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị T2 vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Châu Văn Bé T đối với bị đơn chị Thạch Thị T2. Cho anh Châu Văn Bé T được ly hôn đối với chị Thạch Thị T2. Về con chung: Giao con chung tên Châu Văn K, sinh ngày 04/12/2012, Châu Thị Mỹ D, sinh ngày 22/01/2015 cho anh Châu Văn Bé T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, do anh Châu Văn Bé T không yêu cầu chị Thạch Thị T2 cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét; Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, về nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Thạch Thị T2 hiện có đăng ký thường trú tại ấp HT, xã H, huyện H, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Anh Châu Văn Bé T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Thạch Thị T2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị T2 vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Châu Văn Bé T và chị Thạch Thị T2.

[4] Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Châu Văn Bé T và chị Thạch Thị T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/4/2011. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh T, chị T2 được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân anh T xin ly hôn với chị T2 là do trong thời gian chung sống anh, chị bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, chị T2 không quan tâm chăm sóc cho vợ con; gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, anh, chị không còn sống chung từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Xét thấy: Từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay anh T, chị T2 không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc khác chị T2 biết rõ việc anh T xin ly hôn với chị, Tòa án đã tạo điều kiện để anh T. Chị T2 hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng chị T2 vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa anh T, chị T2 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp. Do anh Châu Văn Bé T và chị Thạch Thị T2 không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Anh Châu Văn Bé T và chị Thạch Thị T2 có 02 con chung tên Châu Văn K, sinh ngày 04/12/2012 và Châu Thị Mỹ D, sinh ngày

22/01/2015. Xét thấy: Từ khi anh T, chị T2 không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau thì con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần; Mặt khác con chung có nguyện vọng sống chung với anh T. Lễ đó cần giao cho anh T được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do anh T không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Anh Châu Văn Bé T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm a, b khoản 1 Điều 227, 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Châu Văn Bé T. Anh Châu Văn Bé T được ly hôn với chị Thạch Thị T2.

Do anh Châu Văn Bé T và chị Thạch Thị T2 không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Anh Châu Văn Bé T được trực tiếp nuôi con chung tên Châu Văn K, sinh ngày 04/12/2012 và Châu Thị Mỹ D, sinh ngày 22/01/2015 con chung đang sống với anh Châu Văn Bé T và có nguyện vọng sống chung với anh Châu Văn Bé T. Do anh Châu Văn Bé T không yêu cầu chị Thạch Thị T2 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Anh Châu Văn Bé T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001640 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách;
- Lưu HSV A+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Huỳnh Thị Phê**













***Nơi nhận:***

- VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**HUỲNH THỊ PHÊ**









**Caùc Hoài thaám nhaân daân  
Chuû toã phieân toaø**

**Thaám phaùn –**



**Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt**

**Huyønh Thò Pheà**





